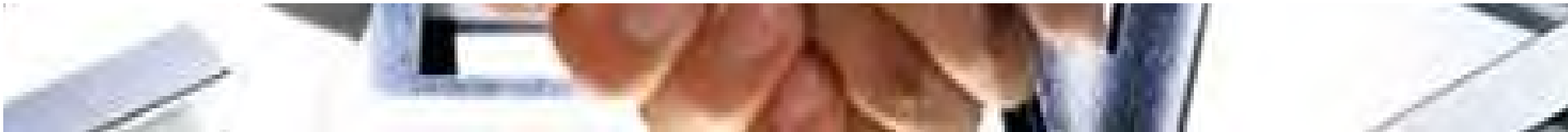




Hội thảo phổ biến về Cộng đồng Kinh tế ASEAN 2015 (AEC) và các FTA mà Việt Nam tham gia

Kiên Giang, 12/06/2014



CAM KẾT THUẾ CỦA VIỆT NAM TRONG CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO (FTAS)

TRẦN THỊ THU HUYỀN
(PHÒNG HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ, VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ)
BỘ TÀI CHÍNH

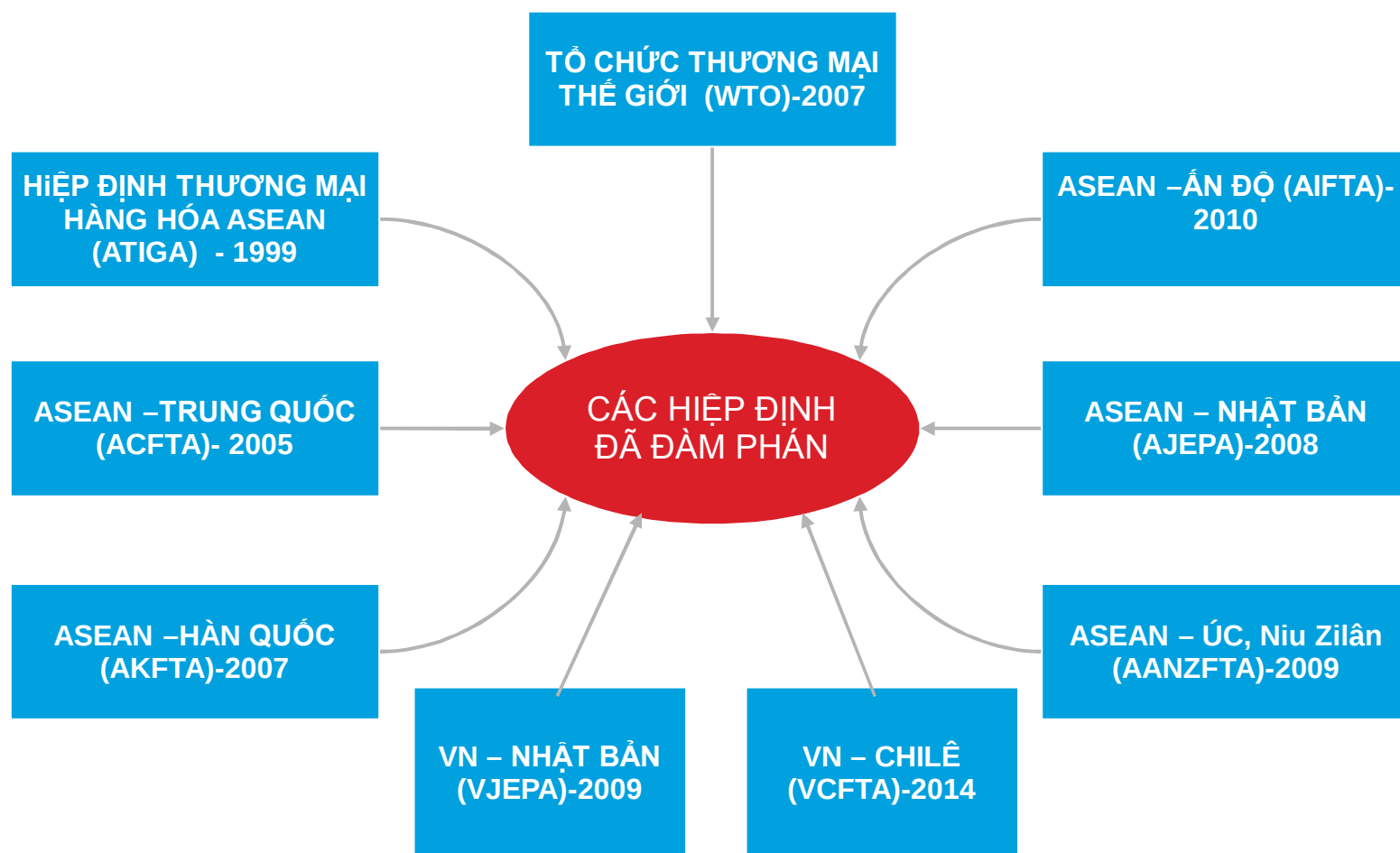
Kiên Giang, 12/06/2014

NỘI DUNG

- Khuôn khổ các FTA đã và đang đàm phán
- Cam kết thuế nhập khẩu trong các FTA
- Giảm thuế một số ngành giai đoạn 2014-2018
- Tình hình thực hiện các cam kết thuế
- Câu hỏi và trả lời

CÁC KHUÔN KHỔ ĐÃ & ĐANG ĐÀM PHÁN

Đã đàm phán



CÁC KHUÔN KHỔ ĐÃ & ĐANG ĐÀM PHÁN

Đang đàm phán

HIỆP ĐỊNH TMTD XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG (TPP)

VIỆT NAM – LIÊN MINH HẢI QUAN (VCU FTA)

VIỆT NAM – EU (EVFTA)

ASEAN +6 (RCEPT)

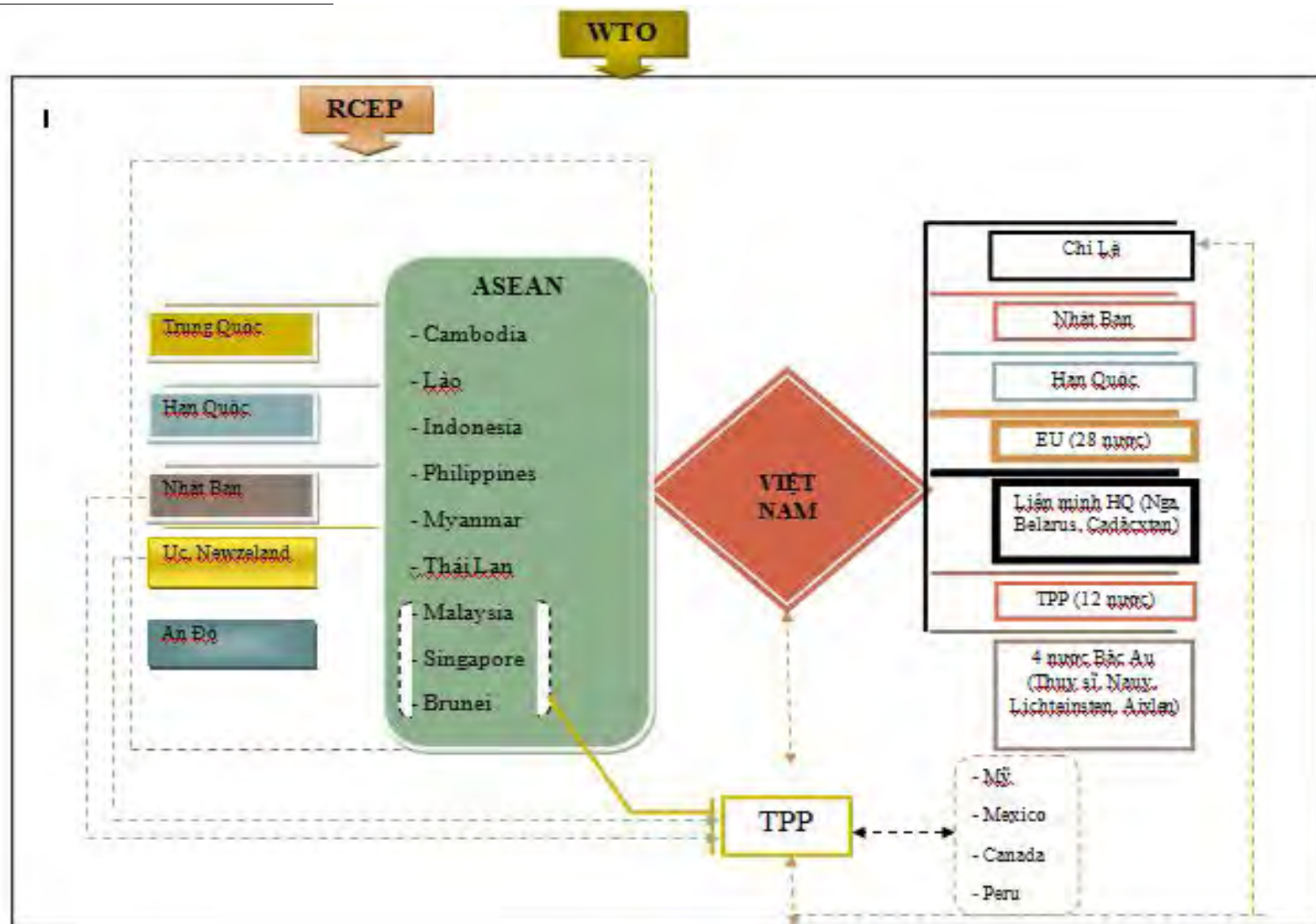
VIỆT NAM – HÀN QUỐC (VKFTA)

VN, Thụy sỹ, Na Uy, Liechtenstein & Iceland (EFTA)

**CÁC HIỆP ĐỊNH
ĐANG ĐÀM
PHÁN**

CÁC KHUÔN KHỔ ĐÃ & ĐANG ĐÀM PHÁN

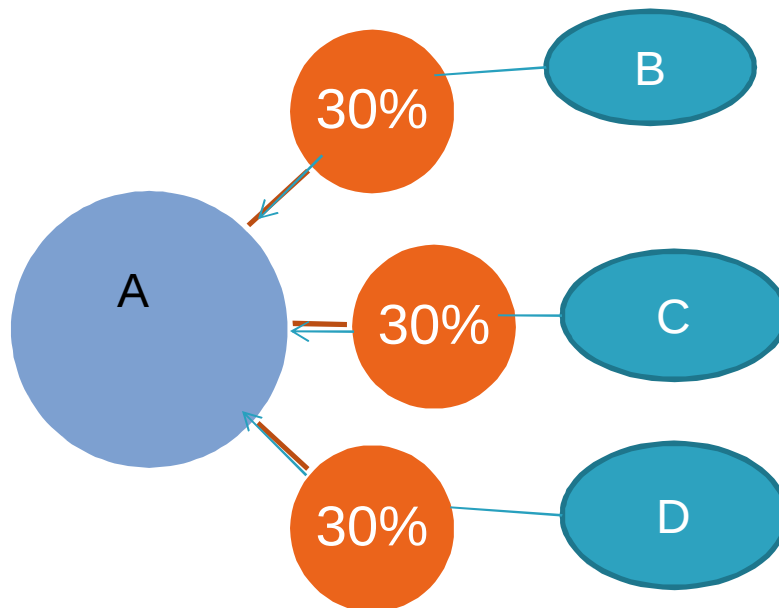
Sơ đồ FTAs



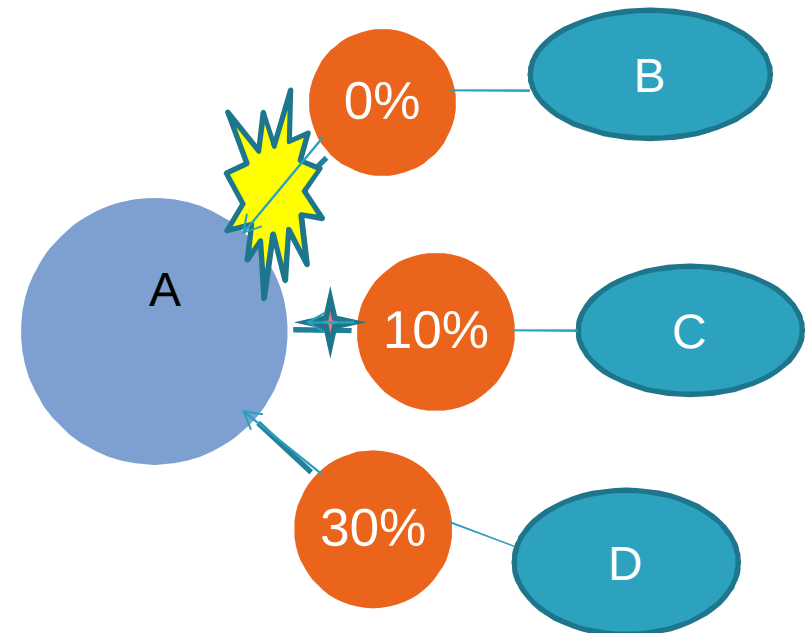
CAM KẾT VỀ THUẾ NHẬP KHẨU TRONG CÁC FTA

Thuế suất nhập khẩu thấp hơn áp dụng cho hàng hóa nhập khẩu

Nguyên tắc WTO

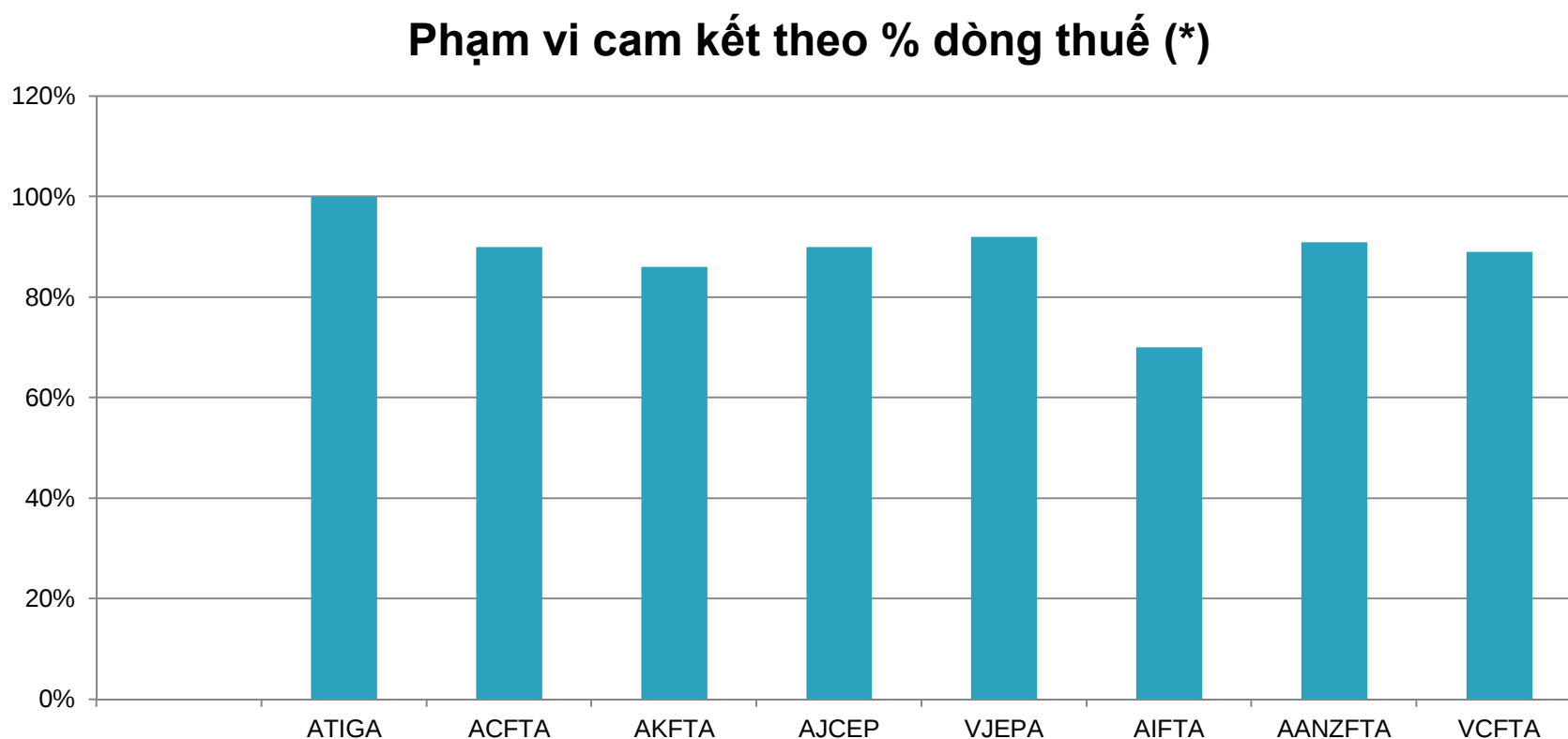


Ưu đãi từ Hiệp định thương mại tự do



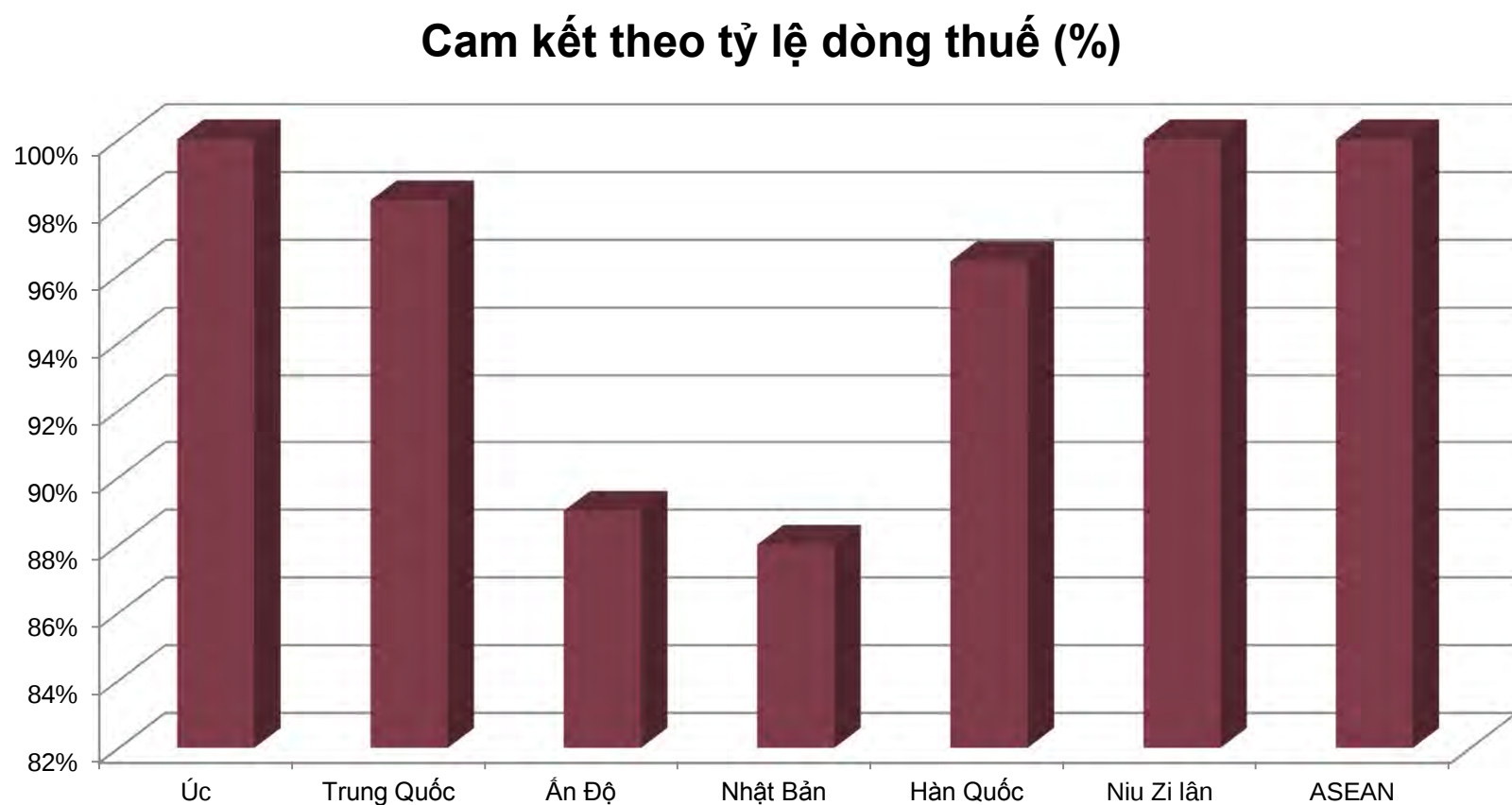
CAM KẾT VỀ THUẾ NHẬP KHẨU TRONG CÁC FTA

Biểu đồ cam kết về thuế trong các FTA



CAM KẾT VỀ THUẾ NHẬP KHẨU TRONG CÁC FTA

Cam kết về thuế trong các FTA của các đối tác



CAM KẾT VỀ THUẾ NHẬP KHẨU TRONG CÁC FTA

Các FTA & Khung thời gian cắt giảm thuế

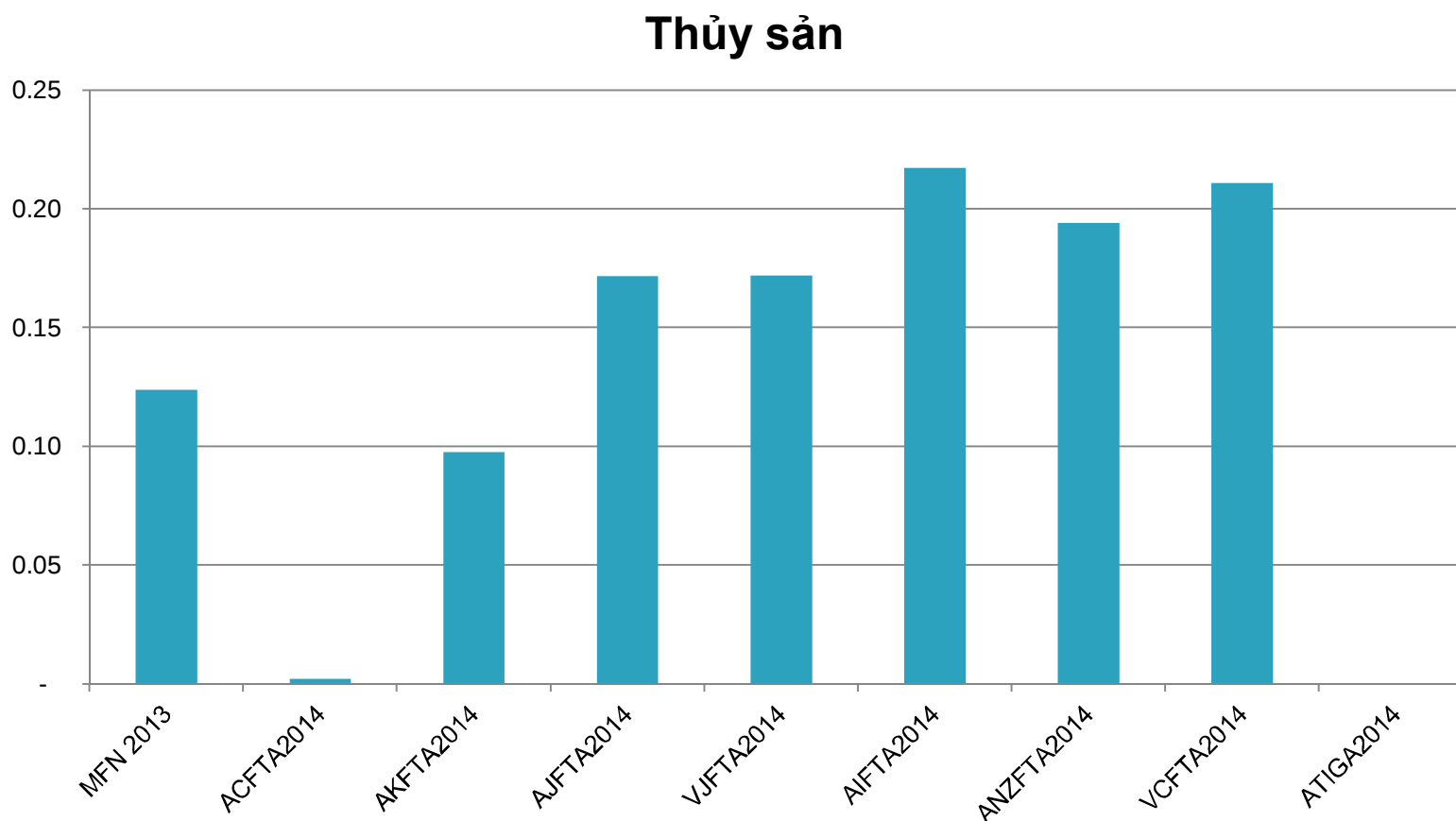
	ATIGA	ACFTA	AKFTA	AJCEP	VJCEP	AIFTA	AANZ	Chi lê
Giai đoạn cắt giảm 1	1/1/2015 93% 	1/1/2015 85% 	1/1/2015 90% (NT*) 	31/3/2019 62,58%	31/3/2020 76,2%	31/12/2017 71%	1/1/2018 85%	1/1/2024 41%
Giai đoạn cắt giảm 2	1/1/2018 100%	1/1/2018 90%	1/1/2016 85%	31/3/2024 90,08%	31/3/2025 92,01%	31/12/2020 78%	1/1/2020 91%	1/1/2030 89%
Giai đoạn cắt giảm 3			1/1/2018 86%					

* NT = Danh mục thông thường

 Các FTA có Ts cắt giảm sâu trong GD 2015-2018 & có tác động lớn đến nền kinh tế

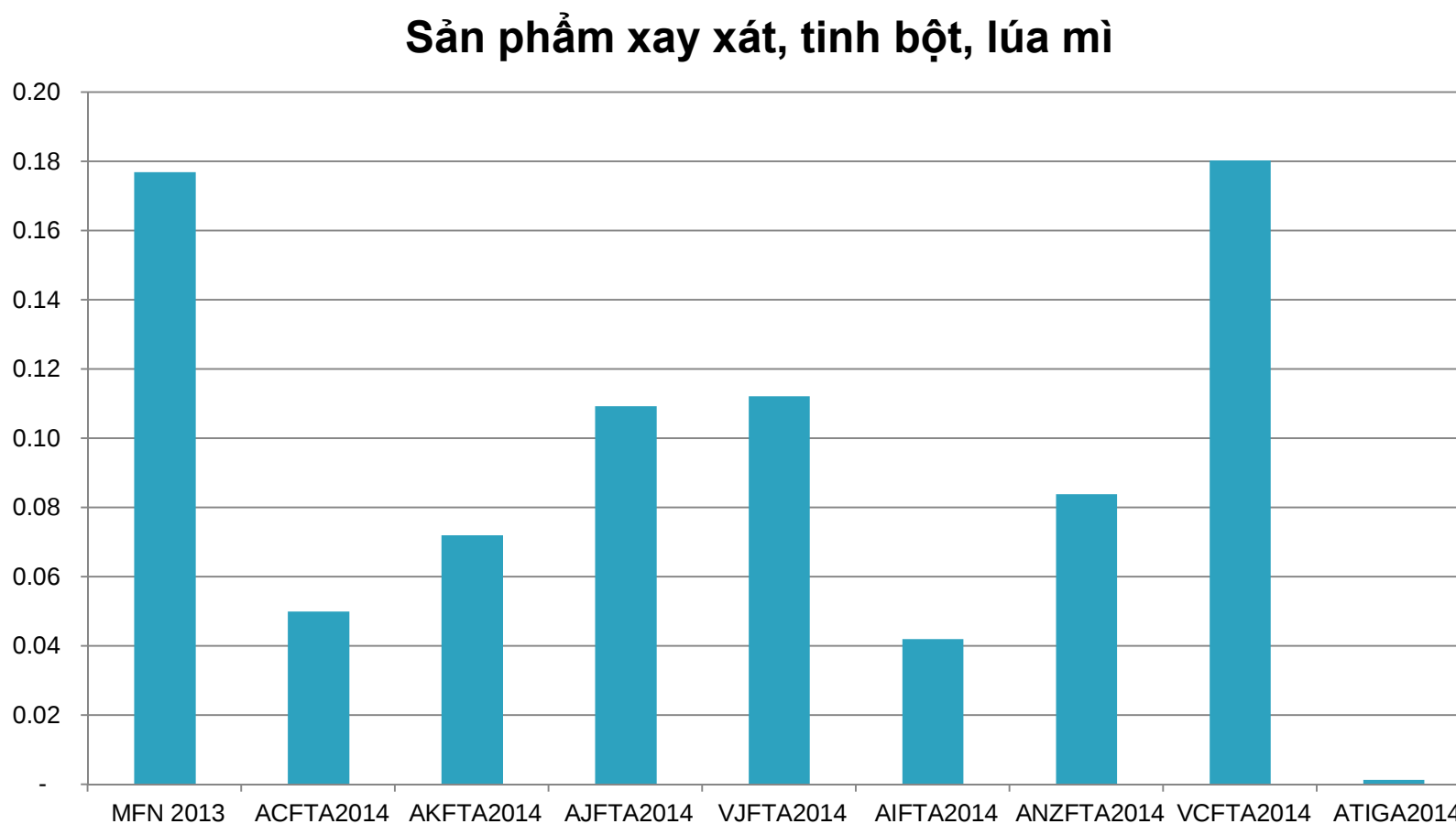
CAM KẾT VỀ THUẾ NHẬP KHẨU TRONG CÁC FTA

Bảng so sánh mức thuế suất ưu đãi năm 2014 và MFN theo chương



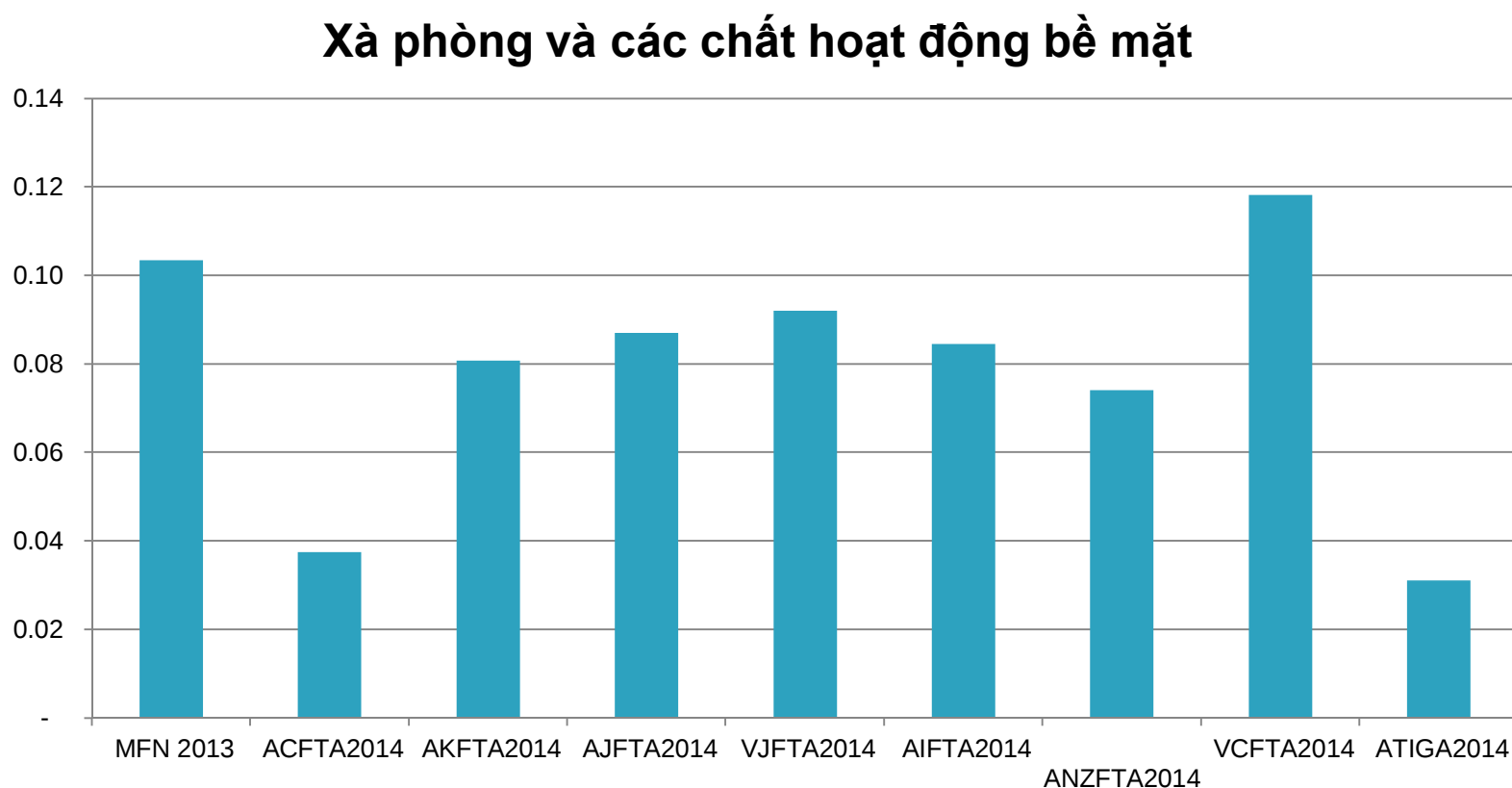
CAM KẾT VỀ THUẾ NHẬP KHẨU TRONG CÁC FTA

Bảng so sánh mức thuế suất ưu đãi năm 2014 và MFN theo chương



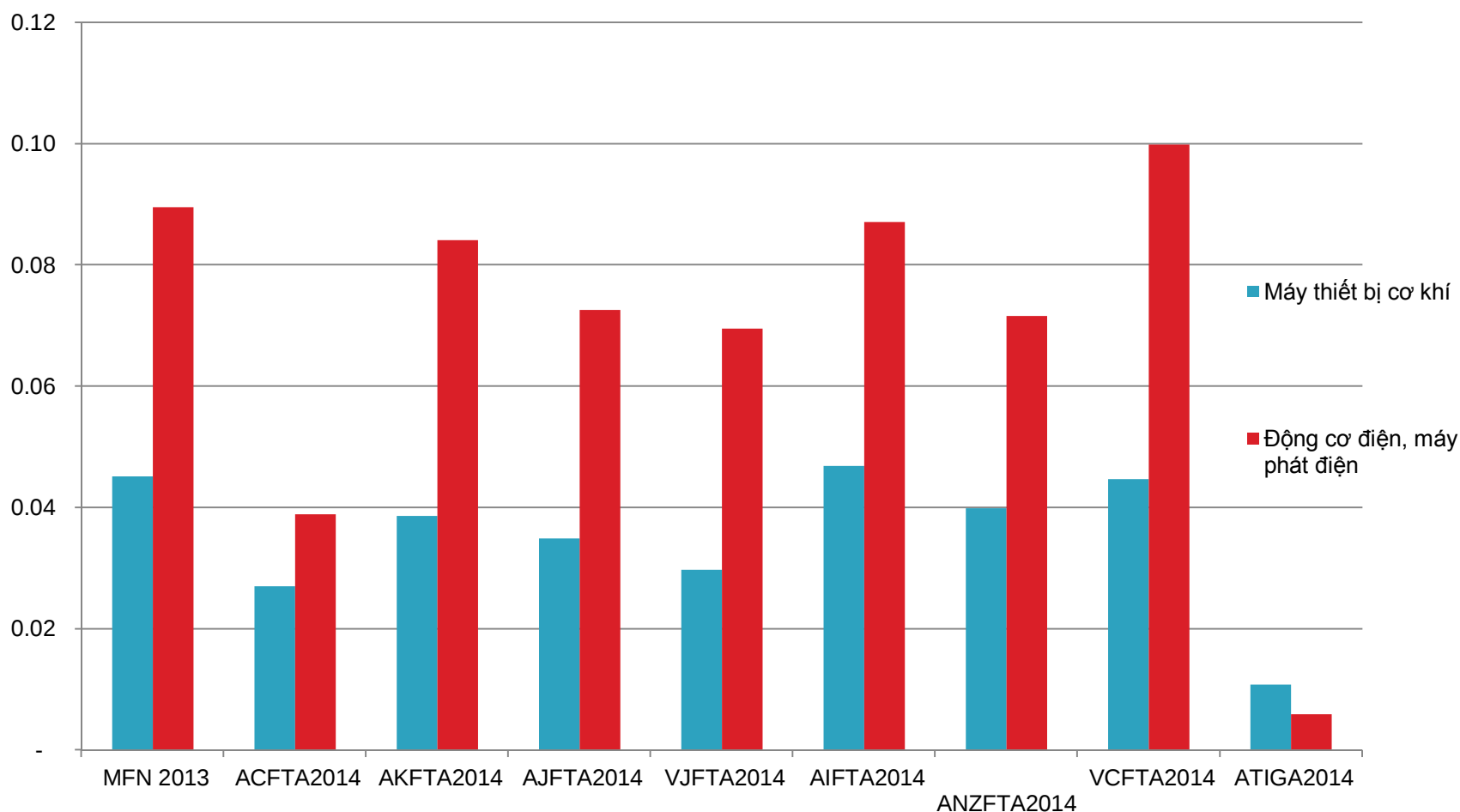
CAM KẾT VỀ THUẾ NHẬP KHẨU TRONG CÁC FTA

Bảng so sánh mức thuế suất ưu đãi và MFN theo chương



CAM KẾT VỀ THUẾ NHẬP KHẨU TRONG CÁC FTA

Bảng so sánh mức thuế suất ưu đãi năm 2014 và MFN theo chương



Một số FTA quan trọng cho giai đoạn 2015-2018

ATIGA

HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI HÀNG
HÓA ASEAN

- Là Hiệp định toàn diện đầu tiên của ASEAN điều chỉnh toàn bộ thương mại hàng hóa trong nội khối
- Thực hiện cam kết: VN có nghĩa vụ cắt giảm thuế xuống 0% vào năm 2015 và 7% số dòng thuế được linh hoạt đến năm 2018 (“DM linh hoạt”)

AKFTA

HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ
DO ASEAN – HÀN QUỐC

- Cam kết đến năm 2018 có 82% số dòng thuế về 0% (năm 2014 là 37,7%).
- Giảm thuế đối với các mặt hàng nhạy cảm vào 2021

ACFTA

HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ
DO ASEAN – TRUNG QUỐC

- Cam kết đến năm 2018 có 85.5% số dòng thuế về 0% (năm 2014 là 32,5%).
- Giảm thuế đối với các mặt hàng nhạy cảm vào 2015 và 2018

Tác động tới một số ngành

Nông nghiệp

Nhóm hàng	HS	TB ATIGA giảm	TB AK giảm	TB AC giảm	NK ASEAN 2012	NK HQ 2012	NK TQ 2012
Cà phê	09	- 5,0	- 13,7	- 9,2	11.672.565	241.780	1.657.033
Chè	09	- 5,0	- 15,0	- 10,0	2.428.411	19.686	961.263
Gạo	10	- 5,0	- 15,0	- 5,8	8.080.465	9.814	-
Bột mì	11	- 5,0	- 7,0	- 5,0	814.533	222.522	740.282
Dầu mỡ động, thực vật	15	- 5,0	- 9,8	- 7,7	40.955.769	4.313.127	419.209
Bánh, kẹo & sản phẩm từ ngũ cốc đang làm dở	19	- 5,0	- 12,8	- 8,5	156.448.218	2.129.314	1.587.516
Mỳ ăn liền	19	- 5,0	- 15,0	- 10,0	3.236.019	2.728.290	918.797
Hàng rau quả	20	- 5,0	- 15,0	- 10,0	5.841.695	321.120	2.270.854
Thủy sản	21	- 5,0	- 15,0	- 10,0	152.361	15.728	-
Thức ăn gia súc & nguyên liệu	23	- 5,0	- 5,0	- 5,0	58.463.969	-	-
Hàng hóa khác	13	- 5,0	- 10,0	- 5,3	490.826.312	95.090.273	257.576.352

Tác động tới một số ngành Công nghiệp

Nhóm hàng	HS	TB ATIGA giảm	TB AK giảm	TB AC giảm	NK ASEAN 2012	NK HQ 2012	NK TQ 2012
Hóa chất	28	- 5,0	- 5,0	- 5,0	86.132.332	37.196.435	69.758.357
Tân dược	30	- 5,0	- 5,0	- 5,0	4.938.338	4.957.814	9.750
Sản phẩm hóa chất	32	- 5,0	- 6,0	- 5,0	124.955.931	79.030.890	56.253.952
Chất dẻo nguyên liệu	39	- 5,0	- 5,0	- 5,0	95.586.437	73.675.487	11.829.542
Sản phẩm chất dẻo	39	- 5,0	- 7,3	- 5,0	152.962.500	374.784.757	416.361.110
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	41	- 5,0	- 7,5	- 5,0	133.910.446	168.967.255	181.243.818
Túi xách, ví, vali, mũ & ô dù	42	- 5,0	- 14,7	- 5,9	2.344.261	19.883.883	27.923.352
Sản phẩm mây, tre, cói & thảm	46	- 5,0	- 13,4	- 5,3	17.719	124.799	1.566.791
Giấy các loại	48	- 5,0	- 6,8	- 5,0	44.347.603	54.535.681	29.073.847
Giấy quần thuốc lá	48	- 5,0	- 10,0	- 5,0	4.576.929	-	336.174
Vải	52	- 5,0	- 12,0	- 5,0	36.526.898	178.346.034	357.832.032
Giày dép các loại	64	- 5,0	- 15,0	- 10,0	2.820.435	863.758	9.542.848

Tác động tới một số ngành

Công nghiệp (tiếp)

Nhóm hàng	HS	TB ATIGA giảm	TB AK giảm	TB AC giảm	NK ASEAN 2012	NK HQ 2012	NK TQ 2012
Sản phẩm gốm, sứ	69	- 5,0	- 14,2	- 8,3	301.964	585.712	4.531.486
Sản phẩm đá quý & kim loại quý	71	- 5,0	- 15,0	- 5,0	1.512.592	6.492.539	1.916.194
Sắt thép các loại	72	- 5,0	- 5,0	- 5,0	-	-	-
Sản phẩm từ sắt thép	73	- 5,0	- 7,8	- 5,0	70.026.739	58.657.119	104.013.089
Kim loại thường khác	74	- 4,8	- 7,9	- 5,0	41.206.158	62.130.149	61.459.655
Máy móc, thiết bị, dụng cụ & phụ tùng	82	- 5,0	- 6,3	- 5,0	75.828.173	154.773.746	194.632.549
Linh kiện, phụ tùng ô tô	84	- 5,0	- 7,8	- 5,0	6.352.209	1.094.656	1.197.820
Phương tiện vận tải & phụ tùng	84	- 5,0	- 5,3	- 5,0	25.673	457.015	627.530
Máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện	85	- 5,0	- 5,0	- 5,0	2.038.558	416.720	1.797.466
Phương tiện vận tải khác & phụ tùng	89	- 5,0	- 5,5	- 5,0	1.750.991	379.493	523.698
Đồ chơi trẻ em	95	- 5,0	- 12,1	- 9,7	541.260	84.850	4.675.853

Tác động tới một số ngành Công nghiệp (*tiếp*)

1. Một số cam kết lưu ý

- Ô tô (Thuế suất ATIGA 2014 là 50%, MFN 70%); Cam kết trong ACFTA là 50% vào 2018.
- Xăng dầu (lộ trình đặc biệt)

2. Các mặt hàng không xóa bỏ thuế nhập khẩu trong các FTA khác: thuốc lá, rượu bia, xăng dầu, ô tô, sắt thép, các mặt hàng áp dụng hạn ngạch thuế quan và các mặt hàng an ninh quốc phòng (vũ khí, thuốc nổ...).

3. Các Hiệp định FTA thế hệ mới (TPP, EU)

- Hướng đến cam kết 100% mặt hàng, không có loại trừ
- Lộ trình thực hiện nhanh, chỉ áp dụng dài hơn đối với danh mục nhạy cảm

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CAM KẾT

Một số văn bản pháp lý về cam kết thuế ưu đãi

- Thông tư số 162/2011/TT-BTC về việc ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN – Trung Quốc giai đoạn 2012-2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 17/11/2011.
- Thông tư số 163/2011/TT-BTC về việc ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN – Hàn Quốc giai đoạn 2012-2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 17/11/2011.
- Thông tư số 161/2011/TT-BTC về việc ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN giai đoạn 2012-2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 17/11/2011.
- Thông tư số 44/2012/TT-BTC về việc ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định khu vực thương mại tự do ASEAN - Úc, Niu Di – Tân Tây Lan giai đoạn 2012-2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 16/03/2012.
- Thông tư số 45/2012/TT-BTC về việc ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN - Ấn Độ giai đoạn 2012-2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 16/03/2012.
- Thông tư số 20/2012/TT-BTC về việc ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện ASEAN - Nhật Bản giai đoạn 2012-2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 15/02/2012.
- Thông tư số 21/2012/TT-BTC về việc ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Đối tác Kinh tế Việt Nam - Nhật Bản giai đoạn 2012-2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 15/02/2012.
- Thông tư số 162/2013/TT-BTC về việc ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thương mại hàng hóa Việt Nam – Chi Lê giai đoạn 2014-2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 15/11/2013.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CAM KẾT

Các văn bản pháp lý khác liên quan

1. Quy định pháp luật về hải quan
 - Thông tư số 45/2007/TT-BTC ngày 7 tháng 5 năm 2007 Hướng dẫn thực hiện thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt.
 - Thông tư số 49/2010/TT-BTC ngày 12/4/2010 hướng dẫn việc phân loại, áp dụng mức thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và các văn bản liên quan.
2. Quy định về xuất xứ hàng hóa

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CAM KẾT

Các văn bản pháp lý

BIỂU THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI ĐẶC BIỆT CỦA VIỆT NAM ĐỂ THỰC HIỆN HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI HÀNG HOÁ ASEAN GIAI ĐOẠN 2012-2014

Ban hành kèm theo Thông tư số 161/2011/TT-BTC ngày 17/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Mã hàng			Mô tả hàng hoá	Thuế suất ATIGA (%)		
				2012	2013	2014
			Chương 1 - Động vật sống			
01.01			Ngựa, lừa, la sống.			
			- Ngựa:			
0101	21	00	- - Loại thuần chủng để nhân giống	0	0	0
0101	29	00	- - Loại khác	0	0	0

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CAM KẾT

Các văn bản pháp lý

Mã hàng			Mô tả hàng hoá	Thuế suất ACFTA(%)			Nước không được hưởng ưu đãi
				2012	2013	2014	
0207	27	91	- - - - Thịt đã được lọc hoặc tách khỏi xương bằng phương pháp cơ học	10	5	5	PH
0207	27	99	- - - - Loại khác	10	5	5	PH
			- Của vịt, ngan:				
0207	41	00	- - Chưa chặt mảnh, tươi hoặc ướp lạnh	0	0	0	
0207	42	00	- - Chưa chặt mảnh, đông lạnh	0	0	0	
0207	43	00	- - Gan béo, tươi hoặc ướp lạnh	0	0	0	

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CAM KẾT

Các văn bản pháp lý

BIỂU THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI ĐẶC BIỆT CỦA VIỆT NAM ĐỂ THỰC HIỆN HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC KINH TẾ VIỆT NAM - NHẬT BẢN GIAI ĐOẠN 2012-2015

(Ban hành kèm theo Thông tư số/2012/TT-BTC ngày .../.../2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Mã hàng			Mô tả hàng hoá	Thuế suất VJEPA (%)		
				1/4/2012- 31/3/2013	1/4/2013- 31/3/2014	1/4/2014- 31/3/2015
			Chương 1 - Động vật sống			
01.01			Ngựa, lừa, la sống.			
			- Ngựa:			
0101	21	00	- - Loại thuần chủng để nhân giống	0	0	0
0101	29	00	- - Loại khác	3	3	2
0101	30		- Lừa:			
0101	30	10	- - Loại thuần chủng để nhân giống	0	0	0
0101	30	90	- - Loại khác	3	3	2
0101	90	00	- Loại khác	3	3	2

Một số trang web cung cấp thông tin về FTA

1. Đăng tải các Thông tư ban hành biểu thuế ưu đãi của Việt Nam

- <http://www.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/trangchu>

2. Thông tin về các Hiệp định ưu đãi của Việt Nam

<http://www.nciec.gov.vn>

- http://www.mof.gov.vn/portal/page/portal/mof_vn
- <http://www.moit.gov.vn/vn/Pages/Vanbanphapluat.aspx>

3. Thông tin về các FTAs

- Asean: <http://www.asean.org/>
- Úc: <http://www.dfat.gov.au/fta/>
- Nhật Bản: <http://www.customs.go.jp>
- Niu Zì lān: <http://mfat.govt.nz/Trade-and-Economic-Relations/2-Trade-Relationships-and-Agreements/index.php>
- Hàn Quốc:
http://www.mofa.go.kr/ENG/policy/fta/status/concluded/turkey/index.jsp?menu=m_20_80_10&tabmenu=t_3
- Trung Quốc: <http://fta.mofcom.gov.cn/english/index.shtml>
- Ấn Độ: http://commerce.nic.in/trade/international_trade_current_details.asp
- Chi Lê: <http://www.mexicotradeandinvestment.com/>

Liên hệ hỏi đáp

- PHÒNG HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ
- VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ
- BỘ TÀI CHÍNH
- ĐIỆN THOẠI: 22202828 hoặc FAX: 22208109

XIN CẢM ƠN

Liên hệ :

Ban quản lý Dự án EU-MUTRAP

**Phòng 1203, Tầng 12, Khu Văn phòng, Tòa tháp Hà Nội,
49 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội**

Tel: (84 - 4) 3937 8472

Fax: (84 - 4) 3937 8476

Email: mutrap@mutrap.org.vn

Website: www.mutrap.org.vn

(Tài liệu hội thảo được đăng trên trang Web này)